

LÝ CÔNG UẨN VỚI VƯƠNG TRIỀU LÝ TRONG BUỔI ĐẦU DỰNG NGHIỆP

*Trần Thị Vĩnh **

Ngày 30 tháng 10 năm Kỷ Dậu (1009) khi ông vua khét tiếng tham tàn – Lê Ngọa Triều từ biệt cõi đời, chấm dứt gần ba mươi năm trị vì của vương triều Tiền Lê (980 – 1009), có một người con của dòng họ Lý “Khoan thứ, nhân từ” – một “trung thần tiết nghĩa” của nhà Tiền Lê được quần thần suy tôn lên làm vua (2/ 11/ 1009 âm lịch), mở ra triều đại mới – triều Lý (1009 – 1225). Đó là Lý Công Uẩn – Vị hoàng đế đầu tiên của nhà Lý.

Lý Công Uẩn – vị vua khai sáng ra triều Lý, khai sáng ra kinh đô Thăng Long, sinh ngày 12 tháng 2 năm Giáp Tuất (974), mất ngày 3 tháng 3 năm Mậu Thìn (1028), người hương Cổ Pháp (thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh ngày nay).

Trong cuộc đời 55 năm, Lý Công Uẩn làm nên sự nghiệp lớn:

- Khai sinh ra triều Lý, mở đầu cho kỷ nguyên mới – kỷ nguyên của nền văn minh Đại Việt.
- Mở ra kinh đô Thăng Long góp phần tạo dựng nên nền văn hoá Thăng Long huy hoàng và rực rỡ trong lịch sử.

Nhưng cho đến nay, đã một nghìn năm trôi qua, chúng ta vẫn chưa khám phá và giải mã hết cuộc đời bí ẩn đầy huyền thoại của vị vua anh minh này.

* PGS.TS, Viện Sử học Việt Nam.

Lần giở lại những trang sử cũ chúng ta chỉ biết được một cách không đầy đủ những thông tin về cuộc đời ấu thơ của ông. Sử sách cũng như truyền thuyết và dã sử chỉ cho biết rõ hơn về người mẹ – thân mẫu của nhà vua – từng là cô thôn nữ có nhan sắc, chịu thương chịu khó, sống trong cảnh bần hàn tên là Phạm Thị hay Phạm Thị Ngà - người làng Dương Lôi, tục gọi là Đình Sấm, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Ngay tại làng Dương Lôi hã còn lại một ngôi đền thờ bà Phạm Thị Ngà (mới được trùng tu trên nền thờ cũ) và dân làng tôn bà là “Lý triều Thánh mẫu”. Có rất nhiều dị bản, huyền tích và truyền thuyết về người phụ nữ hiền dịu này lúc sinh thời và lúc sinh ra Lý Công Uẩn. Cho đến nay, hầu như các sử liệu đều thống nhất và không bàn cãi gì nhiều về thân mẫu và quê ngoại của Lý Công Uẩn là bà Phạm Thị Ngà người hương Diên Uẩn, sau có chuyện sét đánh vào cây gạo làng mới được đổi là Dương Lôi tức Đình Sấm ⁽¹⁾, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Còn một câu hỏi chưa được giải đáp về thân phụ Lý Công Uẩn. Thân phụ Lý Công Uẩn có phải là người đã giáo dưỡng và rèn cặp nhà vua lúc sinh thời ? Ai là người quyết định và có ảnh hưởng lớn nhất đến hệ tư tưởng của Lý Công Uẩn trước khi trở thành vua ? Sử sách và dã sử đều nói rõ bà Phạm Thị chỉ nuôi Lý Công Uẩn đến năm 3 tuổi rồi gửi vào chùa cho làm con nuôi hoặc bà Phạm Thị đã chết ngay sau khi sinh Lý Công Uẩn. Còn lại cả cuộc đời từ năm lên 3 đến năm 35 tuổi (1009) ai là người có ảnh hưởng lớn nhất đối với Lý Công Uẩn ?

Không có một tài liệu nào nói đến thân phụ của Lý Công Uẩn. Chỉ sau khi Lý Công Uẩn lên làm vua, sử sách mới nhắc đến việc Lý Công Uẩn “Truy phong cho cha là Hiển Khánh Vương, mẹ là Minh Đức Thái hậu” và phong cho anh làm Vũ Uy Vương, chú làm Vũ Đạo Vương, con Vũ Đạo Vương là Trung Hiến làm

Thái úy, con Dục Thánh Vương là Phó làm Tổng quản”⁽²⁾ v.v... Rồi đến năm 1018 Lý Công Uẩn còn “Truy phong cho bà nội làm hậu và đặt tên Thụy”⁽³⁾ và năm 1026 Lý Công Uẩn còn “xuống chiếu cho làm Ngọc điệp”⁽⁴⁾ (phả hệ của nhà vua). Vậy rõ ràng Lý Công Uẩn xuất thân trong một gia đình có gốc rễ hần hoi. Thế mà tại sao không thấy sử sách nói tới vai trò của những người thân trong dòng tộc có công giáo dưỡng trong cuộc đời sinh trưởng của Lý Công Uẩn. Trái lại ở đây chúng ta chỉ thấy vai trò nổi trội của nhà chùa cùng giới sư tăng đã gắn bó mật thiết tới tiểu sử và hành trạng của Lý Công Uẩn từ khi còn ấu thơ đến lúc ông đang quang. Thậm chí ảnh hưởng của nhà Phật còn chi phối của cuộc đời làm vua của Lý Công Uẩn. Sự gắn bó đó bao gồm một chuỗi sự kiện trong một khoảng thời gian liên tục: Bà mẹ họ Phạm đi chơi ở chùa, cùng thân nhân giao hợp rồi có mang ở chùa, sinh Lý Công Uẩn cũng ở một ngôi chùa, Lý Công Uẩn làm con nuôi cho nhà sư Lý Khánh Văn ở chùa, được nhà sư Vạn Hạnh dạy dỗ ở chùa rồi nhà chùa (sư Vạn Hạnh) lại phò giúp Lý Công Uẩn lên ngôi v.v... Điều này nên cắt nghĩa như thế nào ? Liệu nguồn gốc của Lý Công Uẩn có gì liên quan tới giới sư tăng – tầng lớp đang chiếm địa vị quan trọng trong xã hội lúc bấy giờ ? Dù Lý Công Uẩn có phải hay không phải con đẻ của nhà sư thì trong suốt quãng đời hơn ba mươi năm trưởng thành của Lý Công Uẩn – Phật giáo đã thấm sâu trong con người ông và là hệ tư tưởng chủ đạo có ảnh hưởng trực tiếp tới nhân sinh quan của ông.

Trước khi làm vua mở nghiệp cho Vương triều Lý, Lý Công Uẩn đã từng được cất nhắc vào làm việc trong triều đình nhà Tiền Lê tại kinh đô Hoa Lư. Dưới triều Lê Đại Hành, ông được cử làm Điện tiền quân tức làm nhiệm vụ bảo vệ an toàn tính mạng cho nhà vua. Khi Lê Đại Hành chết, con Lê Đại Hành là Long Việt lên nối ngôi và được ba ngày thì bị em là Lê Long Đinh giết cướp ngôi. Lúc ấy bấy tôi của Trung Tông (Long Việt) sợ đều chạy trốn

“duy có Điện tiền quân là Lý Công Uẩn ôm xác mà khóc”⁽⁵⁾. Long Đĩnh một ông vua có tiếng độc ác lên ngôi cũng phải khen Lý Công Uẩn “là người trung, cho làm Tứ sương quân, phó chỉ huy sứ, thăng đến chức Tả thân vệ điện tiền chỉ huy sứ”⁽⁶⁾. Chức phó chỉ huy sứ quân đội Tứ sương tức là phó chỉ huy quân đội bảo vệ bốn mặt kinh thành. Còn chức Tả thân vệ điện tiền chỉ huy sứ là chức Tổng chỉ huy quân vệ binh của nhà vua. Ở thời Tiền Lê đây là chức vụ khá quan trọng.

Không có tài liệu để gắn nối thời kỳ làm quan của Lý Công Uẩn với thời kỳ ông học ở chùa. Nhưng chắc chắn sau khi học ở chùa ông được cất nhắc vào kinh đô Hoa Lư làm cảnh vệ cho vua Lê Đại Hành. Không rõ ông làm công việc này từ năm nào, chỉ biết là khi Lê Đại Hành mất, Long Việt lên ngôi (1005) ông đã có mặt ở kinh đô Hoa Lư. Sử sách cũng không cho biết rõ hơn thời gian ông làm việc ở đây như thế nào ngoài vài dòng ca tụng lòng trung quân của ông khi vua Lê Trung Tông bị giết và khi quần thần tung hô ông lên ngôi vua.

Nhưng có một điều chắc chắn rằng trong thời kỳ làm quan cho nhà Lê ở kinh đô Hoa Lư, ông đã nhận biết rõ địa hình địa vật của cố đô Hoa Lư chỉ thích hợp với một vị trí phòng ngự lợi hại về quân sự hơn là một kinh đô về chính trị, kinh tế và văn hoá của đất nước. Nên khi lên ngôi vua, ông thấy rằng không thể đóng đô mãi ở kinh đô Hoa Lư - chật hẹp, ẩm thấp toàn núi non bao bọc mà ông đã có một con mắt đại ngàn - một tầm nhìn chiến lược xa hơn là chọn Thăng Long và chỉ có Thăng Long - địa thế ở giữa đồng bằng với những điều kiện giao thông thuỷ bộ thuận lợi mới có thể trở thành trung tâm chính trị, kinh tế và văn hoá của một quốc gia độc lập hùng cường. Trong *Chiếu dời đô* Lý Công Uẩn đã nói rõ mục đích “đóng nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế lâu

dài cho con cháu đời sau". Vì thế, ông đã chọn Thăng Long làm kinh đô của đất nước ngàn năm văn vật.

Phải nói rằng việc dời đô ra Thăng Long là một sáng kiến có tầm cỡ của Lý Công Uẩn - đây là một đóng góp lớn nhất của Lý Công Uẩn không chỉ đối với vương triều Lý mà còn là đóng góp lớn đối với lịch sử của toàn dân tộc.

Cuộc dời đô của Lý Công Uẩn ra Thăng Long vào đầu thế kỷ XI, đánh dấu một cuộc chuyển giao lịch sử không chỉ giữa hai triều đại Lê - Lý, không chỉ giữa hai không gian Hoa Lư - Thăng Long mà nó đã mở ra một kỷ nguyên mới của quốc gia Đại Việt. Kỷ nguyên văn hoá và văn minh huy hoàng, rực rỡ.

Khi đã định đô, Lý Thái Tổ cho xây dựng kinh thành Thăng Long rất kiên cố và bề thế, có thành lũy bảo vệ, có lâu đài, cung điện, đền chùa và mở mang phường phố. Từ đó Thăng Long nhanh chóng trở thành trung tâm chính trị, kinh tế và văn hoá của cả nước. Thăng Long trở thành thủ đô của đất nước là một dấu hiệu chứng tỏ sức mạnh và lòng tin của cả dân tộc trong việc bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Thành Thăng Long thời Lý là một công trình xây dựng thành lũy lớn nhất trong các triều đại phong kiến quân chủ đóng đô ở Thăng Long. Thành có hai vòng dài khoảng 25 cây số, trong hoàng thành Lý Công Uẩn cho xây dựng một hệ thống cung điện rất nguy nga gồm: điện Càn Nguyên (làm chỗ thiết triều), điện Tập Hiền, điện Giảng Võ. v.v... cùng kho tàng hào lũy. Bốn mặt thành mở bốn cửa: Tường Phù (phía Đông), Quảng Phúc (phía Tây), Đại Hưng (phía Nam), Diệu Đức (phía Bắc).v.v...⁽⁷⁾ Cùng với việc xây dựng lâu đài cung điện, Lý Công Uẩn đã cấp nhiều tiền cho xây dựng chùa tháp ở kinh thành Thăng Long cũng như ở phủ Thiên Đức quê hương của nhà vua. Về mặt này Lý Công Uẩn cũng là người đầu tiên đặt nền móng vững vàng cho sự hưng thịnh của Phật giáo thời Lý.

Cùng với việc định đô và xây dựng kinh thành Thăng Long, công việc thiết yếu đầu tiên của Lý Công Uẩn đối với vương triều Lý là kiện toàn bộ máy nhà nước quân chủ. Bộ máy nhà nước thời Lý là một hệ thống chính quyền các cấp thống nhất từ trung ương tới địa phương đứng đầu là vua.

Năm 1010, vừa lên ngôi Lý Công Uẩn đã cho đổi 10 đạo của thời Lê trước đó làm 24 bộ, đổi châu Hoan, Ái làm trại. Đổi châu Cổ Pháp quê hương của Lý Công Uẩn làm phủ Thiên Đức, thành Hoa Lư cũ của nhà Đinh – Lê làm phủ Trường Yên⁽⁹⁾. Năm 1014, đổi phủ Ứng Thiên (Ứng Hoà, Hà Tây) thành Nam Kinh⁽¹⁰⁾. Năm 1023, đổi trấn Triều Dương thành châu Vĩnh An⁽¹¹⁾ (nay là Tiên Yên).v.v...

Đơn vị hành chính cấp cơ sở gồm có: trên là phủ, châu; dưới là hương giáp và thôn. Ở kinh đô nhà Lý cho đặt ra các phường, gồm 61 phường.

Cùng với việc thay đổi các đơn vị hành chính là việc kiện toàn bộ máy nhà nước. Để điều hành việc nước, Lý Công Uẩn đã chú ý tới việc xây dựng chế độ quan chức. Đứng đầu nhà nước quân chủ là vua, dưới là hệ thống quan lại làm việc từ trung ương tới địa phương.

Ngay năm đầu Thuận Thiên (1010), Lý Công Uẩn đã phong quan tước cho những người thân thuộc và người có công. Có các danh hiệu: Thái sư, Thái phó, Thái bảo, Tổng quản tướng công, cơ mật sứ, Tả hữu kim ngô, Tả hữu vũ vệ, Viên ngoại lang⁽¹²⁾.

Tiếp đó, năm 1028 Lý Thái Tông kế nghiệp đã làm ngay việc phong quan tước cho các quan, xây dựng chế độ quan chức, thiết lập bộ máy quan chức tương đối đầy đủ.

Theo mục “Quan chức chi” trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú thì quan chế triều Lý đại thể có các phẩm trật như sau: Tất cả gồm chín bậc tổng và chánh cho các quan văn võ. Bậc đại thần đứng đầu hàng văn võ gồm: Tam thái (Thái sư, Thái bảo, Thái phó); Tam thiếu (Thiếu sư, Thiếu bảo, Thiếu phó) cùng Thái úy và nội ngoại hành điện, đô tri sự kiểm hiệu bình chương sự.

Quan văn thì có: Bộ thượng thư, Tả tham tri, Tả hữu gián nghị và Trung thư thị lang (thuộc quan thì có các chức Trung thư thừa, Trung thư xá nhiệm), Bộ thị lang, Tả hữu ty lang trung, Thượng thư sảnh viện ngoại lang, Đông tây cấp môn sứ, Tả hữu phúc tâm, Nội thường thị, Phủ sĩ sư, Điện học sĩ, Hàn lâm học sĩ, Vệ đại phu, Thư gia hoả các, Thừa trực lang, Thừa tín lang. Đây là các chức quan quan trọng làm việc trong triều. Quan văn làm việc ở các lộ phủ châu thì có các chức Tri phủ, Phán phủ và Tri châu.

Quan võ thì có: Đô thống, Nguyên soái, Tổng quản, Khu mật sứ, Khu mật tả hữu sứ, Tả hữu kim ngô, Thượng tướng, Đại tướng, Tướng quân, Các vệ (có các hiệu Uy vệ, Kiêu vệ, Đinh thắng, Chỉ huy sứ, Vũ vệ hoả đầu, Các binh tào⁽¹³⁾). Ở bên ngoài trấn trại đều đặt các quan và binh để trấn giữ. Ở thời Lý còn có chức Hành khiển do Trung quan (Hoạn quan) sung vào, gia thêm danh hiệu “Nhập nội Hành khiển đồng trung môn hạ bình chương sự”, là chức hàm rất trọng vì đó là chức quan đứng sau Tể tướng giữ then chốt về chính sự.

Nhà nước quân chủ thời Lý – mà Lý Công Uẩn là người đầu tiên xây dựng đặt nền tảng cho sự phát triển về sau là một nhà nước quân chủ quan liêu tập trung với hệ thống chính quyền từ trung ương tới địa phương được tập trung quyền hành vào trong tay triều đình đứng đầu là vua. Tầng lớp nắm mọi độc quyền lúc

bấy giờ là tầng lớp quý tộc và đại công thần. Tầng lớp này giữ mọi chức vụ quan trọng trong triều.

Lý Công Uẩn lên ngôi đã phong ngay chức tước cho những người trong thân tộc. Đối với những người có công, đặc biệt là những người có công đưa Lý Công Uẩn lên ngôi, đều được Lý Công Uẩn cho giữ những trọng trách trong triều. Như Đào Cam Mộc phong cho làm Tín nghĩa hầu và được lấy con gái trưởng của vua là công chúa An Quốc. Trần Cảo được làm tướng công. Ngô Đình được làm Xu mật sứ. Đào Thạc Phu làm Thái bảo. Đặng Văn Hiếu làm Thái phó. Phí Xa Lỗi làm Tả kim ngô. Vệ Trú làm hữu kim ngô. Đào Thản làm Tả hữu vệ. Đỗ Giản làm Hữu vũ vệ⁽¹⁴⁾.v.v... Những đại công thần này là những người giúp việc đầu lực cho vương triều Lý, dần dần được quý tộc hoá và trở thành dòng họ có thế lực ở thời Lý.

Bên cạnh hàng ngũ quý tộc và công thần, về sau trong triều đình nhà Lý còn có thêm đội ngũ nho sĩ mới gia nhập triều chính. Cơ cấu lãnh đạo trong bộ máy nhà nước thời Lý vì thế không chỉ có quý tộc, công thần và cao tăng mà còn có thêm nhân tố mới đó là tầng lớp nho học đỗ đạt vào làm quan trong triều như trường hợp Lê Văn Thịnh, Mạc Hiến Tích .v.v... Nhưng ở thời kỳ này tầng lớp cao tăng không còn đóng vai trò quan trọng trong bộ máy nhà nước như ở thời Đinh và tiền Lê nữa. Chế độ quân chủ tập trung thời Lý được phát triển vững mạnh trên cơ sở mở mang Nho học.

Chế độ quân chủ tập trung thời Lý được phát triển vững mạnh, Vương triều Lý tồn tại được hơn hai trăm năm, người có công đặt nền móng là vị vua anh minh đầu triều Lý – Lý Công Uẩn. Lý Công Uẩn làm vua chỉ có 18 năm, mười tám năm thật là ngắn ngủi so với 215 năm tồn tại của vương triều Lý. Nhưng những gì mà Lý Công Uẩn làm được, đều thật có ý nghĩa sâu sắc

với vương triều Lý, với đất nước và mãi mãi trường tồn, đó là sự thức tỉnh của một nền văn minh Đại Việt – sự trường tồn của nền văn hoá Thăng Long.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Xem *Làng Dương Lôi với vương triều Lý*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội. 2000.

2, 3, 4. *Đại Việt sử ký toàn thư*,

Tập I, Bản dịch Nxb KHXH, 1983, Tr 248, 251.

5, 6. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, SDD, tr 240-241.

7, 8. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, SDD. Tr 242 – 243.

9, 10, 11. *Đại Việt sử ký toàn thư*,

Tập I, SDD, Tr 243, 246, 250.

12. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*,

Tập II, Bản dịch Nxb Sử học, Tr 6.

13. Phan Huy Chú *Lịch triều hiến chương loại chí*,

SDD. Tr 7.

14. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, SDD, Tr 239.